

PGD&ĐT BÁT XÁT
TRƯỜNG PTDT BT THCS DỀN THẮNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	11	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	480/389
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	1	45/389
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	11/11	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35/11	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3810.5	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	280	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	220	
3	Diện tích thư viện (m ²)	0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	0	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	3/15
2	Cát xét	0	

	sinh giới					
1	Cấp huyện	0	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	92				92
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	92				92
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	4/92				4/92
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	4,3 33/92				4,3 33/92
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35,9 55/92				35,9 55/92
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	59,8				59,8
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	201/181	49/43	56/50	45/47	51/41
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	385	95	106	92	92
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Dền Thành, ngày 1 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Việt Bình